



TỈNH ỦY HƯNG YÊN

*

Số 14 -NQ/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hưng Yên, ngày 14 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

KHÓA I, NHIỆM KỲ 2025-2030

về tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I. TÌNH HÌNH

1. Kết quả chủ yếu

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, sự chung sức, đồng lòng của toàn dân, trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng môi trường sống của nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về môi trường được tăng cường, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu được ban hành tương đối đầy đủ; công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường, kiểm soát chất thải được thực hiện nghiêm túc, góp phần hạn chế các nguồn ô nhiễm phát sinh từ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất và các dự án đầu tư mới. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt từng bước được cải thiện; tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị tăng, một số địa phương đã triển khai mô hình phân loại rác tại nguồn. Trang thiết bị quan trắc môi trường được đầu tư, một số trạm quan trắc tự động được xây dựng, từng bước hình thành hệ thống giám sát môi trường theo thời gian thực. Công tác phòng chống thiên tai được quan tâm, hệ thống đê điều, kè sông và công trình thủy lợi được nâng cấp; các phương án ứng phó thiên tai hằng năm được xây dựng kịp thời; công tác truyền thông, cảnh báo được chú trọng. Nhận thức của người dân, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường được nâng lên; nhiều mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu phát huy hiệu quả. Một số dự án xử lý nước thải, chất thải rắn, cải thiện môi trường đô thị - nông thôn đã và đang được triển khai, góp phần cải thiện chất lượng môi trường tại nhiều khu vực.

2. Hạn chế, yếu kém

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại: Hệ thống hạ tầng môi trường chưa đồng bộ, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, nông thôn. Công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt còn bất cập; năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn ở nhiều địa phương còn hạn chế; nhiều bãi chôn lấp nhỏ lẻ, lò đốt rác đã xuống cấp, không đáp

ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; tỷ lệ thu gom rác ở khu vực nông thôn còn thấp; việc phân loại rác tại nguồn triển khai còn chậm. Nhiều cụm công nghiệp, làng nghề chưa hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung, vẫn tồn tại tình trạng xả thải vượt quy chuẩn tại một số cơ sở sản xuất nhỏ, làng nghề và khu dân cư. Chất lượng nước mặt ở nhiều đoạn sông, kênh mương có dấu hiệu suy giảm; nước thải sinh hoạt chưa được thu gom xử lý triệt để. Khí thải công nghiệp, bụi, tiếng ồn tại các khu đô thị và khu sản xuất - dịch vụ phát sinh ngày càng nhiều, chưa được kiểm soát hiệu quả. Công tác quan trắc, dự báo còn hạn chế, thiếu mô hình dự báo, cảnh báo thiên tai - môi trường theo thời gian thực hiện và công nghệ phân tích rủi ro hiện đại. Cán bộ làm công tác môi trường, phòng chống thiên tai ở cấp xã vừa thiếu, vừa hạn chế về chuyên môn và kỹ năng ứng dụng công nghệ số. Hệ thống đê điều, kè sông, công trình thủy lợi tại một số nơi bị xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu trước tình hình thời tiết cực đoan gia tăng; ứng phó biến đổi khí hậu chưa theo kịp thực tiễn. Hiện tượng xâm nhập mặn, nước biển dâng, nắng nóng kéo dài, mưa lớn bất thường diễn biến nhanh, nhưng giải pháp ứng phó còn thiếu tính đồng bộ, chưa có tính dài hạn. Nguồn lực về phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của địa phương còn nhiều hạn chế...

3. Nguyên nhân.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên bên cạnh nguyên nhân khách quan như biến đổi khí hậu trong những năm gần đây diễn biến nhanh, phức tạp, xuất hiện nhiều hình thái thiên tai cực đoan, vượt ngoài kịch bản và khả năng dự báo truyền thống..., thì nguyên nhân chủ quan chủ yếu là: Nguồn lực tài chính của tỉnh đầu tư cho hạ tầng môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu còn hạn chế; nhiều cơ sở hạ tầng phục vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chưa được đầu tư nâng cấp, nhất là các tuyến đê xung yếu. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra nhanh, quy mô dân số tăng cao, gây áp lực lớn lên hạ tầng kỹ thuật và môi trường, trong khi việc đầu tư hạ tầng xử lý chưa theo kịp. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong một số lĩnh vực còn chưa chặt chẽ. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa cho bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu chưa thực sự hiệu quả, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư công nghệ xử lý chất thải, tái chế, tái sử dụng theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một bộ phận doanh nghiệp và người dân chưa cao. Việc xử lý vi phạm ở một số nơi chưa bảo đảm đúng quy định hoặc chưa đủ sức răn đe...

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của tỉnh; là cơ sở cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị; là trách nhiệm và nghĩa vụ của các

cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội.

- Tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu phải trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng, trong đó “phòng” là chính, cơ bản, lâu dài và “chống” ô nhiễm môi trường, “giảm nhẹ” tác động của rủi ro, thiên tai, “thích ứng” với biến đổi khí hậu là yêu cầu trước mắt, cấp bách. Việc đề ra các nhiệm vụ, giải pháp vừa bảo đảm toàn diện, vừa phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp trong từng giai đoạn; dựa vào nội lực là chính, đồng thời phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ và kinh nghiệm trong nước, quốc tế.

- Bảo vệ môi trường là vấn đề toàn cầu. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu vừa là một nội dung cơ bản của phát triển bền vững. Tăng cường bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hoà với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khoẻ Nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng. Tập trung xử lý dứt điểm, triệt để các điểm ô nhiễm môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu là đầu tư cho phát triển bền vững.

- Chủ động phòng, chống thiên tai, lấy “phòng ngừa là chính”, chuyển từ ứng phó thụ động sang chủ động quản lý rủi ro. Bảo đảm phương châm “bốn tại chỗ”, coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, kết hợp kinh nghiệm truyền thống với khoa học công nghệ hiện đại.

- Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai là một trong các nhiệm vụ trọng tâm. Tích hợp vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp và người dân, chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại. Ưu tiên đầu tư cho các khu vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi ô nhiễm môi trường, dễ bị tổn thương bởi tác động thiên tai, biến đổi khí hậu và các hệ sinh thái tự nhiên, rừng phòng hộ ven biển. Chuyển đổi sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính. Chủ động tham gia và cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật và nguồn vốn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Nâng cao năng lực toàn diện bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Kiểm soát chặt chẽ nguồn phát thải, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, tăng cường an ninh, sức khỏe môi trường và nâng cao chất lượng môi trường sống. Giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế, xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chuyển đổi phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và sinh hoạt theo hướng ít phát thải, thân thiện môi trường, sinh thái, thông minh.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% hộ dân sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn;
- 100% chất thải rắn sinh hoạt đô thị & nông thôn được thu gom, xử lý đạt quy định;
- 100% chất thải nguy hại được xử lý an toàn theo quy định;
- 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn, quan trắc tự động truyền dữ liệu;
- 100% cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được xử lý dứt điểm;
- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường;
- Tối thiểu 70% lượng nước thải được xử lý và tái sử dụng phù hợp;
- Giảm ít nhất 50% lượng rơm rạ đốt ngoài đồng (so với năm 2025);
- 100% xã, phường có kế hoạch phòng, chống thiên tai cập nhật hàng năm;
- Giữ tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 1,56 % (tương ứng khoảng 4.000 ha);
- Đầu tư, nâng cấp cơ bản các tuyến đê xung yếu, đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045:

Hưng Yên trở thành thành phố thông minh, sinh thái và nơi đáng sống với môi trường sống xanh, sạch và hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng, được bảo vệ an toàn. Sản xuất, kinh doanh và cuộc sống của người dân được bảo đảm an toàn trước các rủi ro, nguy cơ tác động của thiên tai và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ chủ yếu

1.1. Về bảo vệ môi trường

- Về môi trường công nghiệp: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải, chất thải rắn công nghiệp. Khẩn trương xây dựng hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường; hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Hoàn thiện, đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp. Không để các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu dân cư không có trong quy hoạch sử dụng đất, phân vùng môi trường và nguy cơ cháy nổ.

- Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt: Xử lý toàn bộ rác thải tồn đọng trên địa bàn tỉnh. Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày, kết hợp hút bụi, rửa đường ở đô thị và khu tập trung đông dân cư. Tiếp tục đẩy mạnh phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình; lắp đặt thùng chứa rác công cộng; cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới các pano tấm lớn tuyên truyền về bảo vệ môi trường; phát triển các dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt. Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung ứng dụng công nghệ hiện đại tại các xã Đoàn Đào, Thái Thụy, Đại Đồng, Quỳnh Phụ. Đầu tư hệ thống trạm trung chuyển rác thải tại các vùng đô thị trong toàn tỉnh để điều phối rác về các nhà máy xử lý.

Thu gom khí mê tan tại các bãi chôn lấp chất thải tập trung, khu xử lý chất thải để xử lý.

- Xử lý nước thải sinh hoạt: Tập trung xây dựng và thực hiện Đề án xử lý ô nhiễm môi trường hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; xử lý 100% lượng nước thải của hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, tái sử dụng nước sau xử lý. Cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý nước thải tại các xã, phường. Duy trì, vận hành tốt công trình thu gom, xử lý nước thải quy mô hộ, cụm hộ gia đình, khu dân cư. Bổ sung, cập nhật và đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ trong Đề án “Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Đầu tư, xây dựng các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị, khu, cụm dân cư trên địa bàn tỉnh phù hợp ở các khu dân cư không bố trí được quỹ đất đầu tư công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung, mô hình cải thiện ô nhiễm do nước thải sinh hoạt. Xây dựng công trình xử lý nước thải khu dân cư tập trung ở những nơi có đủ điều kiện theo quy định. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng tại chỗ cho các mục đích khu dân cư, khu vực có hệ thống xử lý. Ủy ban nhân dân cấp xã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt kín (đường ống, cống hoặc rãnh) tránh phát tán mùi hôi khó chịu; xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Xử lý bụi, khí thải: Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030; tăng cường kiểm soát khí thải, bụi giao thông và các cơ sở công nghiệp bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường về khí, bụi và tiếng ồn.

- Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, làng nghề: Tiếp tục đầu tư bể chứa, thu gom vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng ngoài đồng ruộng; điểm lưu chứa tạm thời bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng để vận chuyển đi xử lý. Năm 2026, tập trung kiên quyết xử lý dứt điểm các làng nghề gây ô nhiễm môi trường theo hướng chuyển hoạt động sản xuất kinh doanh vào các cụm công nghiệp; áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở các làng nghề chỉ được tồn tại khi đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý, chấm dứt hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh nếu không đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường. Giải quyết dứt điểm các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như:

Làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, xã Như Quỳnh: Di dời các cơ sở, hộ sản xuất tái chế nhựa trong làng nghề Minh Khai vào cụm công nghiệp Minh Khai được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, đồng thời xử lý chất thải rắn tồn đọng.

Làng nghề tái chế chì Đông Mai, xã Lạc Đạo: Tiếp tục triển khai xử lý ô nhiễm tồn dư chì trong làng nghề.

Làng nghề dệt nhuộm Phương La, xã Tiên La: Tiếp tục triển khai xử lý ô nhiễm nước thải phát sinh.

1.2. Về chủ động phòng chống thiên tai

- Rà soát, xác định các khu vực xung yếu trên hệ thống đê điều, kè, cống, chủ động xây dựng và triển khai phương án phòng, chống thiên tai theo phương châm “bốn tại chỗ”; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, vật tư, phương tiện ứng cứu; lắp đặt hệ thống camera giám sát, tăng cường ứng dụng công nghệ trong theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai. Theo dõi sát tình hình, kịp thời thông tin, cảnh báo đến người dân các rủi ro, nguy cơ về thiên tai để kịp thời phòng, tránh. Đẩy mạnh tuyên truyền Luật Phòng, chống thiên tai đến cơ sở và người dân; gắn nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Ưu tiên nguồn lực xử lý cấp bách các sự cố đê điều, kè, cống, đặc biệt tại các tuyến đê sông, đê biển, khu vực xung yếu, thường xuyên xảy ra sạt lở; tập trung đầu tư xây dựng, gia cố, nâng cấp hệ thống đê điều theo tiêu chuẩn thiết kế mới, bảo đảm an toàn trước các tình huống thiên tai cực đoan; đẩy mạnh nạo vét, kiên cố hóa hệ thống kênh mương, nâng cao năng lực thoát lũ, tiêu úng.

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống cống, trạm bơm, công trình điều tiết nhằm chủ động kiểm soát lũ, ngập úng, xâm nhập mặn; phát triển hệ thống tiêu thoát nước đồng bộ, nhất là tại các khu vực đô thị, khu kinh tế, vùng trũng thấp. Chủ động các phương án phòng, chống hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn; điều tiết hợp lý nguồn nước giữa các lưu vực.

1.3. Về thích ứng với biến đổi khí hậu

Đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện một số tuyến đê sông kiên cố nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn các tuyến đê, công trình tiêu thoát mưa lũ; xây dựng, nâng cấp các công trình quan trọng tại các vùng có nguy cơ ngập lụt cao trong khu vực đô thị và các công trình phòng chống thiên tai nhằm nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai khẩn cấp và tình hình thiên tai ngày càng gia tăng do biến đổi khí hậu. Triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phát triển, nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản mới có khả năng thích ứng tốt diễn biến thời tiết khắc nghiệt và tình hình dịch bệnh. Quy hoạch khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn nước mặt, nước dưới đất trong điều kiện biến đổi khí hậu, hạn chế khai thác nước dưới đất. Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân. Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về bảo vệ môi trường trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên. Hình thành các thiết chế văn hoá, đạo đức môi trường trong xã hội. Thực

hiện đánh giá, phân hạng về môi trường đối với các ngành, địa phương. Kịp thời cụ thể hóa các đường lối của Đảng về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chính sách, quy định của tỉnh đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả

- Đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền theo hướng chủ động, tích cực, dẫn dắt, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và hình thành thói quen, hành động thân thiện với môi trường, cụ thể như phân loại rác tại nguồn, không xả rác bừa bãi, không tự ý đốt rác bừa bãi, giảm rác thải nhựa, tiêu dùng xanh. Sử dụng mạng xã hội, các nền tảng số để lan tỏa thông tin nhanh chóng, hấp dẫn; xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự chuyên sâu về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Nêu gương, nhân rộng các mô hình kinh tế xanh, điển hình tốt về "sống xanh", mô hình kinh tế tuần hoàn, bền vững.

- Giáo dục, nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên trong hệ thống trường học: Đưa các nội dung bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu vào giảng dạy trong trường học một cách thực tế, gần gũi; tổ chức các hoạt động ngoại khóa, diễn đàn, cuộc thi để sinh viên, học sinh chủ động nghiên cứu và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát huy tinh thần xung kích của tuổi trẻ.

- Tăng cường tuyên truyền các quy định, chính sách về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các quy định về xử lý vi phạm môi trường, phí nước thải... Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng không gian sống an toàn, bền vững; tăng cường sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cơ quan truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận, nhất quán trong nhận thức và hành động bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, đặc biệt là người đứng đầu, cần sâu sát, quyết liệt trong chỉ đạo; rà soát, thể chế hóa chủ trương của Đảng thành văn bản pháp luật, chính sách cụ thể. Việc triển khai các nhiệm vụ được thực hiện theo nguyên tắc "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời hạn nhằm bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Chỉ đạo ưu tiên ngân sách nhà nước, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho các công trình ứng phó thiên tai, hạ tầng xanh, giảm phát thải khí nhà kính và công nghệ sạch.

- Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm soát nghiêm các nguồn ô nhiễm, bảo vệ, phục hồi rừng (rừng ngập mặn, phòng hộ) và bảo tồn thiên nhiên.

- Vận hành hệ thống dữ liệu của tỉnh về thiên tai, nâng cao năng lực dự báo, chủ động di dời dân cư vùng nguy cơ cao, và xây dựng hạ tầng chống chịu.

- Ứng dụng thành tựu của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào quản trị tài nguyên và giám sát biến đổi khí hậu.

2.3. Nâng cao năng lực công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy định, chính sách về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật cho cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu ở các cấp đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình hiện nay, nhất là đối với các xã, phường.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cấp trong công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác tài nguyên trái phép; giám sát chặt chẽ các nguồn thải lớn trên địa bàn nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các sự cố môi trường.

2.4. Tăng cường bảo vệ môi trường

- Xây dựng cơ chế quản lý môi trường đồng bộ, thống nhất, lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe Nhân dân làm mục tiêu hàng đầu.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm các dự án sản xuất công nghiệp. Không tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất công nghiệp nằm ngoài khu, cụm công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Kiên quyết từ chối tiếp nhận dự án có công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều tài nguyên, năng lượng, phát thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Thẩm định chặt chẽ báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đề xuất cấp phép môi trường cơ sở sản xuất, dự án đầu tư, yêu cầu phải đầu tư công trình xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường. Các khu, cụm công nghiệp phải đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, nhất là hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong khu, cụm công nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp môi trường, các ngành công nghiệp năng lượng xanh, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời...), thu hút các dự án đầu tư nghiên cứu, thử nghiệm và phát triển vật liệu mới, vật liệu thay thế, thân thiện với môi trường.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ môi trường các khu, cụm công nghiệp, làng nghề và các lưu vực sông phát sinh lượng phát thải lớn; tăng cường năng lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát nước thải, khí thải tự động của các doanh nghiệp và các trạm quan trắc môi trường nước mặt, không khí xung quanh trên địa bàn tỉnh.

- Bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề

Thí điểm, tiến tới lựa chọn hình thức đầu thầu tập trung để lựa chọn các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Khuyến khích xã hội hóa các dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt. Triển khai thu phí đối với hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng thải đã được phân loại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thực hiện đầy đủ theo nguyên tắc “Người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Giao chính quyền cấp xã, công an cấp xã kiểm tra, giám sát việc xả chất thải, vệ sinh môi trường, nhất là đối với cá nhân, hộ gia đình, kết hợp với bảo đảm an ninh, trật tự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các hành vi xả chất thải, đốt chất thải không đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường chung của cộng đồng.

Đóng cửa, chấm dứt hoạt động, đồng thời có phương án xử lý các bãi rác thải sinh hoạt tập trung không phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

Giảm thiểu phát sinh nước thải sinh hoạt tại nguồn và có biện pháp xử lý, cải thiện ô nhiễm do nước thải sinh hoạt. Các dự án đầu tư khu dân cư và các khu dân cư mới, các xã nông thôn mới kiểu mẫu phải đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chính trang diện mạo môi trường nông thôn; trồng cây xanh, đường hoa; dọn vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư; đối với các hồ ao đã có sẵn ở địa phương, cần thường xuyên nạo vét bùn, tiêu diệt các loài côn trùng gây các bệnh truyền nhiễm, thay nước (nếu đã bị ô nhiễm);

Tăng cường triển khai các mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn; áp dụng các biện pháp, công nghệ tận thu phế phụ phẩm nông nghiệp. Các hoạt động chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp sử dụng công nghệ đệm lót sinh học, ép, ủ phân, hầm khí sinh học biogas, nước thải sau hầm biogas được xử lý qua ao, bể sinh học và tăng cường tái sử dụng chất thải chăn nuôi. Quy hoạch một số vùng chăn nuôi tập trung nhằm đẩy mạnh phát triển ngành chăn nuôi quy mô vừa và lớn, đồng thời đảm bảo vệ sinh môi trường; quy hoạch các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; đẩy nhanh tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường của các khu, cụm công nghiệp, di dời các hoạt động sản xuất gây ô nhiễm trong làng nghề, khu dân cư vào cụm công nghiệp.

- Môi trường đô thị, y tế, xây dựng:

Tổ chức thu gom, phân loại rác thải tại nguồn; tăng cường quét hút, rửa đường và xử lý rác thải xây dựng, bùn bể phốt, hầm cầu, phế thải đồ trạm. Đẩy mạnh trồng cây xanh, xây dựng đô thị sinh thái, thông minh, các hồ nước, công viên. Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.

Phân loại, thu gom và xử lý rác thải y tế, chất thải nguy hại theo quy định; đầu tư xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải y tế, đảm bảo đạt quy

chuẩn kỹ thuật môi trường. Xây dựng các bệnh viện xanh - sạch - đẹp, đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

Phát triển hệ thống phương tiện công cộng sử dụng năng lượng điện, năng lượng xanh. Hạn chế phương tiện gây ô nhiễm, kiểm tra định kỳ khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động giao thông. Đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông xanh, thân thiện môi trường.

Xây dựng hệ thống xử lý bụi, khí thải tại các công trường và các giải pháp đồng bộ. Ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện môi trường (vật liệu xanh), công nghệ xây dựng hiện đại, giảm tiếng ồn và rác thải xây dựng. Che chắn công trường, hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi, gây bụi trong quá trình thi công.

- Thúc đẩy kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn: Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất thân thiện, tái chế chất thải và sử dụng năng lượng sạch. Đẩy mạnh các hoạt động tái chế, tái sử dụng các vật liệu xây dựng đã qua sử dụng.

- Xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường: Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào hạ tầng xử lý nước thải, rác thải và các dịch vụ môi trường

2.5. Chủ động phòng, chống thiên tai

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng; rà soát, cấm biển cảnh báo vùng có nguy cơ cao (sạt lở, lũ). Đưa nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kinh tế, xã hội bền vững, có khả năng chống chịu với tác động của thiên tai. Quyết liệt sơ tán dân khỏi khu vực nguy hiểm, gia cố nhà cửa, đê điều. Xây dựng, tổ chức tập huấn, diễn tập phòng thủ dân sự theo các kịch bản tình huống thiên tai với phương châm “bốn tại chỗ”. Nhanh chóng xử lý môi trường, dọn dẹp, hỗ trợ dân tái thiết đời sống, sản xuất sau khi thiên tai đi qua.

- Nâng cao năng lực dự báo và cảnh báo sớm thiên tai. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trên địa bàn tỉnh. Chuyển dịch trọng tâm từ dự báo hiện tượng sang dự báo tác động để người dân chủ động ứng phó.

- Tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ phòng, chống thiên tai. Đầu tư, củng cố hệ thống đê điều, hồ đập, các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão. Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai chi tiết đến từng khu vực.

- Xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai. Tập huấn kiến thức, kỹ năng tự phòng tránh cho người dân, đặc biệt là vùng nông thôn, vùng ven sông và ven biển.

2.6. Thích ứng với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) để hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" (Net Zero). Bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ ven biển. Tăng cường nghiên cứu, triển khai các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, đồng thời có khả năng cao chống chịu tác động của thiên tai và thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với các kịch bản biến đổi khí hậu tại địa phương. Tích cực triển khai các công ước, thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, phòng, chống

thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia; tranh thủ nguồn vốn và chuyển giao công nghệ thích ứng tiên tiến từ nước ngoài. Phát triển các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học; tăng cường sử dụng thức ăn xanh, phát triển chăn nuôi bền vững, giảm phát thải.

2.7. Đẩy mạnh, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường bố trí ngân sách địa phương đi đôi với tranh thủ nguồn vốn của ngân sách trung ương, nguồn vốn của các chương trình dự án và huy động tối đa các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (vay ưu đãi, vốn ODA, đóng góp tự nguyện...) cho công tác bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là vốn đầu tư xây dựng các công trình, dự án hạ tầng kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường.

- Thí điểm và từng bước mở rộng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ dịch vụ công ích môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.8. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực khoa học công nghệ trong công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Lắp đặt hoàn thiện mạng lưới hệ thống các trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở có lượng phát thải lớn, truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường để giám sát 24/7. Sử dụng hệ thống camera, ứng dụng AI tại các điểm nóng xả thải nghi ngờ để phát hiện và cảnh báo sớm hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Sử dụng phương tiện, thiết bị không người lái trên địa bàn tỉnh để giám sát, kiểm tra các đoạn đê xung yếu, khu vực bị ngập lụt, hỗ trợ đánh giá rủi ro. Áp dụng công nghệ IoT và AI để phân tích dữ liệu mưa, mực nước sông Hồng, sông Luộc, tự động gửi tin nhắn cảnh báo đến chính quyền và người dân. Xây dựng bản đồ số hóa chi tiết các vùng có nguy cơ cao về lũ, ngập úng tại địa phương để chủ động phương án sơ tán, ứng phó.

- Ứng dụng cảm biến (IoT) đo độ ẩm đất, tưới tiêu tự động phục vụ các vùng chuyên canh cây ăn quả, giúp tiết kiệm nước và thích ứng với khô hạn. Tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn để quản lý rủi ro thiên tai dựa trên dữ liệu thực.

- Tập trung đầu tư cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu thống nhất, đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm cơ sở ứng dụng các công cụ, nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền phổ biến, triển khai sâu rộng Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực

tiền địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách có liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; đồng thời, tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách của tỉnh.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tuyên truyền, phổ biến, học tập, quán triệt thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong toàn tỉnh.

5. Các cơ quan báo chí, thông tin và truyền thông xây dựng kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết; kịp thời phản ánh những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, những mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong thực hiện Nghị quyết.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong toàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Các ban đảng Trung ương,
- Cơ quan UBKTTW,
- Văn phòng TW Đảng,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp công lập của Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và đoàn thể tỉnh,
- Đảng ủy các xã, phường,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lãnh đạo VPTU,
- Lưu VPTU, CV^{Đg}

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Trần Quốc Toàn